

Số: 39/2022/QĐST-HNGĐ

Phổ Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 318/2021/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm TT, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đăng B, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm TL, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2022;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng B đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 02/7/2015.

Chị T, anh B thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là: Nguyễn Đăng K, sinh ngày 02/7/2015. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh B cho đến khi chị T có yêu cầu. Anh B được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Chị T và anh B đều xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2.4. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị T và anh B đều xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, các khoản cho vay chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng B thống nhất thỏa thuận. Chị T chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001988 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã PY;
- THADS thị xã PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy